

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 - 9 - 2022.

“V/v ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 652/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T – Sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số X đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông H – Sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số Y đường D, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày nội dung như sau:

Tôi và ông H tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban Nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21 tháng 02 năm 2017.

Trong quá trình chung sống, tôi và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và không có sự tôn trọng nhau, đời sống hôn nhân không hòa hợp và căng thẳng. Mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chúng tôi vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Tôi và ông H có một con chung là cháu A – Sinh ngày 02/8/2017. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A cho đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông H trình bày nội dung như sau:

Tôi và cô T tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21 tháng 02 năm 2017.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng 2 năm gần đây, tôi và cô T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chúng tôi vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chúng tôi sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay.

Nay cô T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn, tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Tôi và cô T có một con chung là cháu A – Sinh ngày 02/8/2017. Do cháu A là con gái và còn nhỏ tuổi, nên sống cùng với mẹ sẽ phù hợp và tốt hơn cho sự phát triển của cháu. Vì vậy, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý giao cháu A cho cô T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và cô T tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và cô T tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà T. Chấp nhận bà T được ly hôn với ông H. Chấp nhận giao con chung cháu A – Sinh ngày 02/8/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21 tháng 02 năm 2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2017). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên bà T và ông H xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác định, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, bà T và ông H

đang sống ly thân. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà T và ông H có một con chung là cháu A – Sinh ngày 02/8/2017. Bà T và ông H thống nhất giao cháu A cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của bà T và ông H đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, đảm bảo sự phát triển của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao con chung cháu A – Sinh ngày 02/8/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông H, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019954 ngày 26 tháng 7 năm 2022 (do ông G nộp thay).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày công bố bản án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường L, TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đông